

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
**BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG
CHỐNG DỊCH COVID-19**

Số: 324 /BC-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 5, ngày 05 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 28/11/2022 đến 04/12/2022

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng, an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 Quận 5 báo cáo đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 28/11/2022 đến 04/12/2022 như sau:

1. Kết quả đánh giá cấp độ dịch các phường:

Sau khi kết hợp các tiêu chí, kết quả như sau:

- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 1 là: 92,86%, gồm 13/14 phường (Phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14).
- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 2 là: 7,14%, gồm Phường 10.

2. Chi tiết đánh giá cấp độ dịch các phường: Đính kèm Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế/TP ;
- TT.QU – TT.UBND/Q5;
- BCĐ PCDB/Q5;
- VP.QU - VP.UBND/Q5(VX);
- Lưu: VT, YT. 8

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN 5
Nguyễn Võ Xuân Kỳ

Bảng đánh giá chi tiết cấp độ dịch các phường tuần từ 28/11/2022 – 04/12/2022
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 324 /BC-BCĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 5)

Các chỉ số			Chỉ số 1a			Chỉ số 1b			Chỉ số 1c		Chỉ số 2a			Chỉ số 2b			Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a		Khả năng đáp ứng 3b			Khả năng đáp ứng 3c			Cấp độ dịch			
Phường	Dân số	Số hộ	Số ca mắc mới trong tuần ngày 28/11-04/12/2022	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy trung bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/100.000 dân	Số mũi tiêm đủ mũi (áp dụng đánh giá mới theo CV 8372 từ ngày 5/12/2022) Tỷ lệ tiêm đủ mũi cơ bản + người từ 12 tuổi trở lên tiêm đủ mũi cơ bản và nhắc 1)/ tổng dân số		Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số mũi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (nguy cơ cao) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	Tỷ lệ sản sàng quản lý, chăm sóc/ 10.000 hộ dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (>=4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c	Cấp độ dịch (1)	Cấp độ dịch (2) Hiệu chỉnh theo tiêu chí 1c
			Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Mũi 2 người 12-17	Mũi 3 người từ 12t trở lên	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b	Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	Cấp độ dịch			
Phường 1	17199	4315	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	457	9687	58,98%	Không đạt	3908	97,87%	Đạt	Không đạt	2	695,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 2	14365	3861	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	285	12227	87,10%	Đạt	5197	116,58%	Đạt	Đạt	1	777,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 3	7630	1386	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	155	8082	107,96%	Đạt	2373	210,75%	Đạt	Đạt	1	2886,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 4	10125	2789	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	197	9276	93,56%	Đạt	3407	93,62%	Đạt	Đạt	1	1792,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 5	10847	2726	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	327	9912	94,39%	Đạt	3821	113,42%	Đạt	Đạt	1	3301,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 6	8424	2184	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	258	6394	78,96%	Đạt	2730	84,60%	Không đạt	Không đạt	2	3663,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 7	10273	2535	1	9,7	1	0	0,0	1	1	0	0,0	236	6751	68,01%	Không đạt	2927	77,85%	Không đạt	Không đạt	2	1972,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 8	7868	1842	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	416	7882	105,47%	Đạt	3088	115,01%	Đạt	Đạt	1	1085,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 9	13233	2963	2	15,1	1	0	0,0	1	1	0	0,0	265	7519	58,82%	Không đạt	2538	93,79%	Đạt	Không đạt	2	1012,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 10	6479	1862	6	92,6	2	0,14	2,2	2	2	0	0,0	194	5223	83,61%	Đạt	1982	79,28%	Không đạt	Không đạt	3	1611,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	2	2
Phường 11	11659	3035	2	17,2	1	0	0,0	1	1	0	0,0	357	10161	90,21%	Đạt	4141	105,21%	Đạt	Đạt	1	2306,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 12	14857	3710	4	26,9	1	0	0,0	1	1	0	0,0	305	13217	91,01%	Đạt	5476	123,84%	Đạt	Đạt	1	1886,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 13	8749	2195	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	296	6063	72,68%	Không đạt	2469	89,59%	Không đạt	Không đạt	2	1366,7	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 14	12909	3347	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	341	12057	96,04%	Đạt	4645	164,13%	Đạt	Đạt	1	896,3	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1